

## Bài 6

# MÔ HÌNH THƯƠNG MẠI TIÊU CHUẨN



Vũ Thành Tụ Anh

Trường Chính sách công và Quản lý Fulbright

14/3/2018

# Sự khác biệt của 3 mô hình



- ❧ *Mô hình Ricardo*: Chỉ có duy nhất một nhân tố sản xuất là lao động. Ý tưởng then chốt của mô hình là lợi thế so sánh, nhưng không đề cập tới phân phối thu nhập.
- ❧ *Mô hình các yếu tố chuyên biệt*: Có một yếu tố sản xuất linh hoạt và hai yếu tố chuyên biệt (đặc thù cho một ngành nhất định). Mô hình này trình bày các hệ quả ngắn hạn của ngoại thương đối với phân phối thu nhập.
- ❧ *Mô hình Heckscher-Ohlin*: Hai yếu tố sản xuất có thể thay thế cho nhau và di chuyển giữa các ngành. Sự khác biệt giữa các quốc gia về nguồn yếu tố sản xuất sẽ quyết định mô thức thương mại. Mô hình này cho biết các hệ quả dài hạn của ngoại thương đối với phân phối thu nhập.

# Sự giống nhau của 3 mô hình



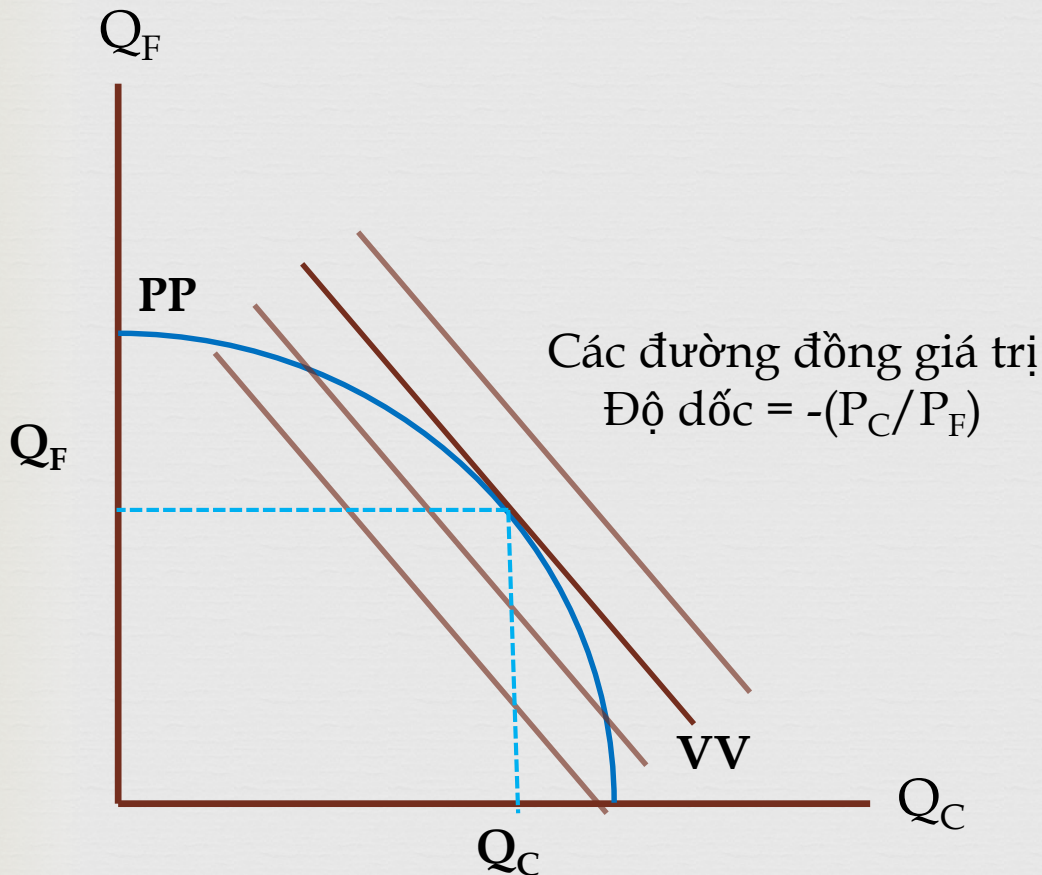
- ☞ **Khả năng sản xuất** của nền kinh tế được tóm tắt bằng đường giới hạn khả năng sản xuất, và chính sự **khác biệt** về giới hạn khả năng sản xuất của các quốc gia tạo ra cơ hội cho ngoại thương.
- ☞ Đường giới hạn khả năng sản xuất của một nước sẽ quyết định **đường cung tương đối** của nước đó.
- ☞ Trạng thái **cân bằng** của thế giới được xác định bằng đường cầu và đường cung thế giới tương đối, trong đó đường cung thế giới tương đối **nằm giữa** các đường cung tương đối của quốc gia.

# Bốn cấu phần của mô hình tiêu chuẩn



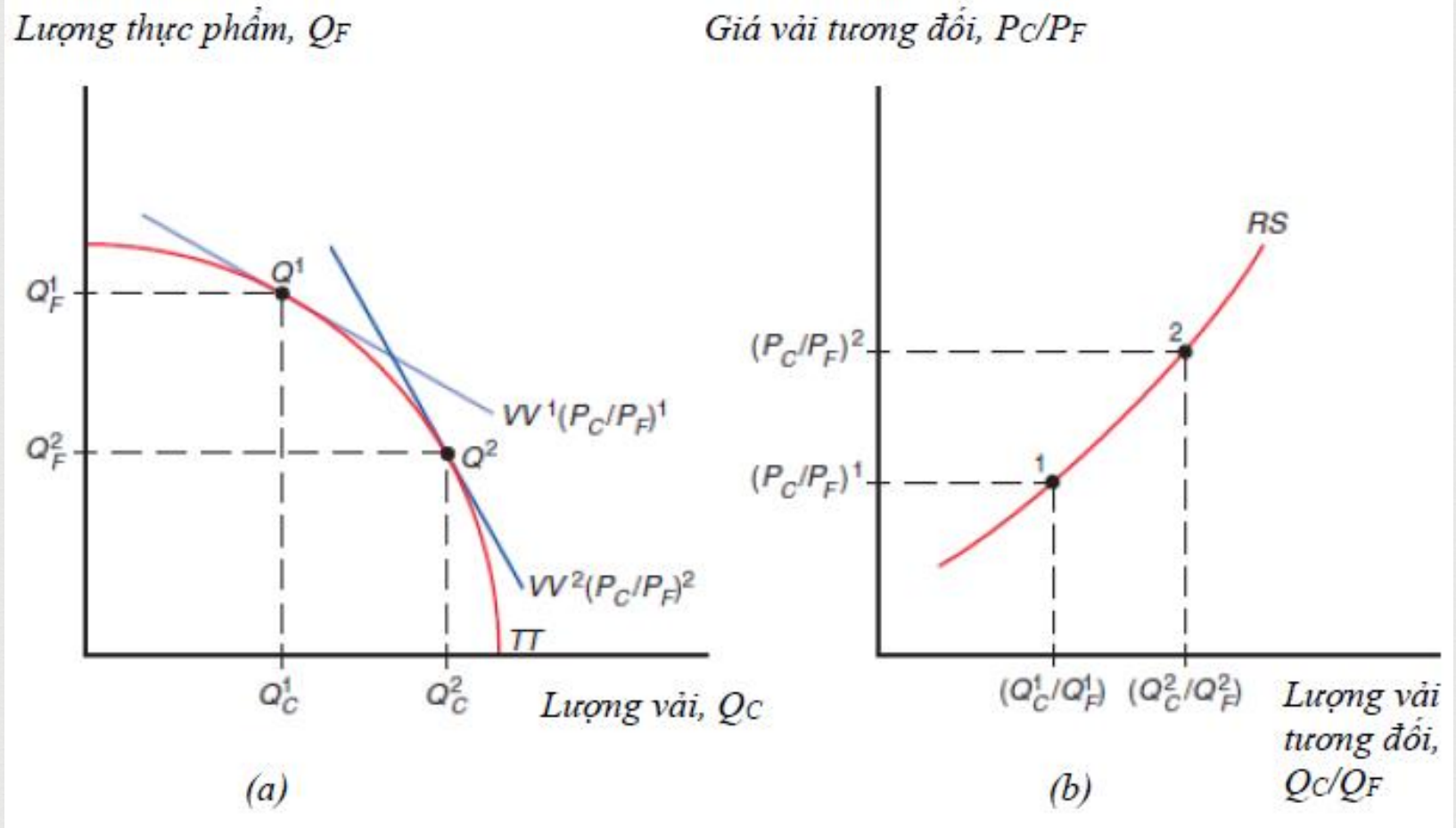
1. Mối quan hệ giữa **đường giới hạn khả năng sản xuất** và **đường cung tương đối**;
2. Mối quan hệ giữa **giá tương đối** và **cầu tương đối**;
3. Trạng thái **cân bằng** thế giới được xác định bằng đường cung thế giới tương đối và đường cầu thế giới tương đối; và
4. Ảnh hưởng của **tỷ số giá ngoại thương** – giá hàng xuất khẩu chia cho giá hàng nhập khẩu của một nước – đối với **phúc lợi** của nước đó.

# Giới hạn khả năng sản xuất



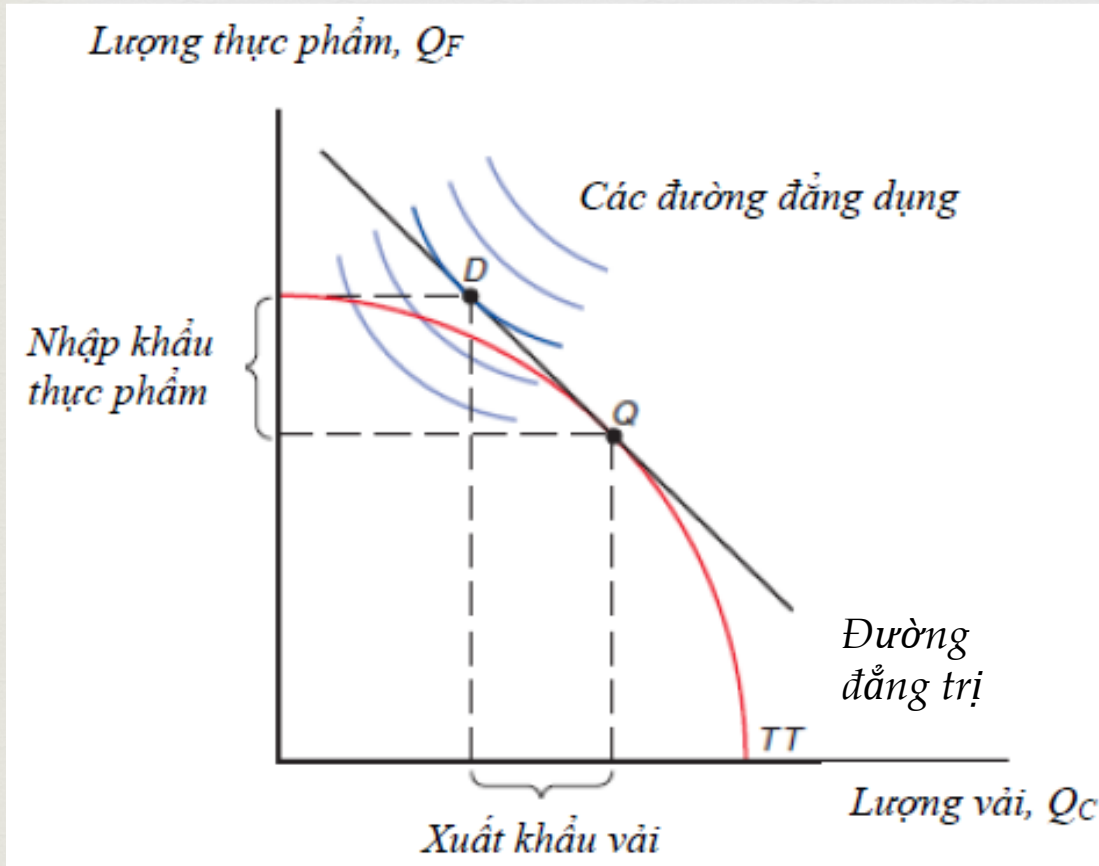
- ❧ Khi biết  $P_C$  và  $P_F$ , nền kinh tế chọn  $Q_C$  và  $Q_F$  để tối đa hóa giá trị  $V = P_C Q_C + P_F Q_F$ .
- ❧ Độ dốc của đường đẳng trị bằng  $-(P_C/P_F)$
- ❧ Sản xuất tại điểm tại đó đường PP tiếp xúc với đường đẳng trị VV.
- ❧ Lượng hàng một nước sản xuất ra phụ thuộc vào giá tương đối  $P_C/P_F$ .

# Giới hạn khả năng sản xuất và đường cung tương đối



Khi  $P_C/P_F$  tăng, đường  $VW$  dốc hơn, cân bằng chuyển từ  $Q^1$  sang  $Q^2$ ,  $Q_C^2 > Q_C^1$

# Sản xuất, tiêu dùng, và ngoại thương trong mô hình tiêu chuẩn

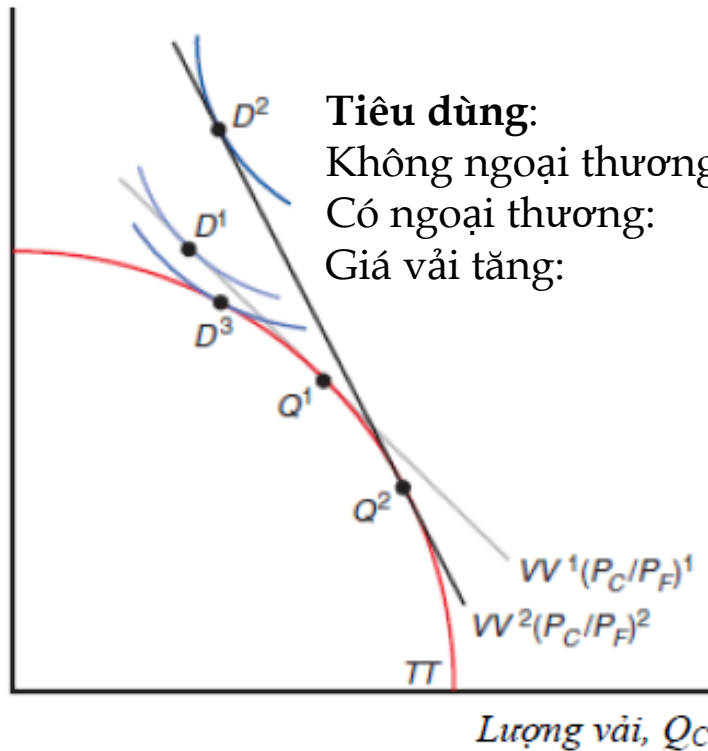


- ☞ Nền kinh tế sản xuất ở điểm  $Q$  nhưng tiêu dùng ở điểm  $D$
- ☞ Nền kinh tế sản xuất nhiều vải hơn so với nhu cầu tiêu dùng, do đó sẽ xuất khẩu vải, và ngược lại nhập khẩu thực phẩm.

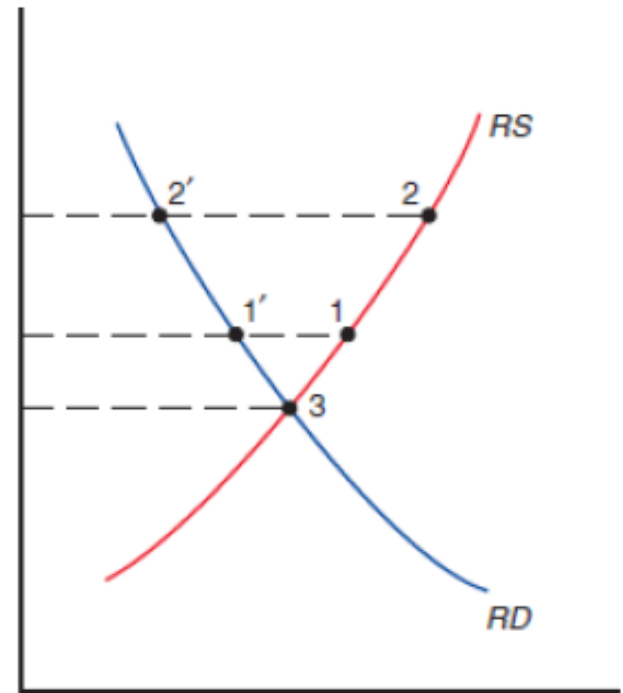
# Ảnh hưởng của sự tăng giá vải tương đối và lợi ích từ ngoại thương

Lượng thực phẩm,  $Q_F$

Giá vải tương đối,  $P_C/P_F$



(a) Sản xuất và tiêu dùng



(b) Cung và cầu tương đối

☞ Giả sử ban đầu đất nước XK vải. Nếu giá vải giảm thì sao?



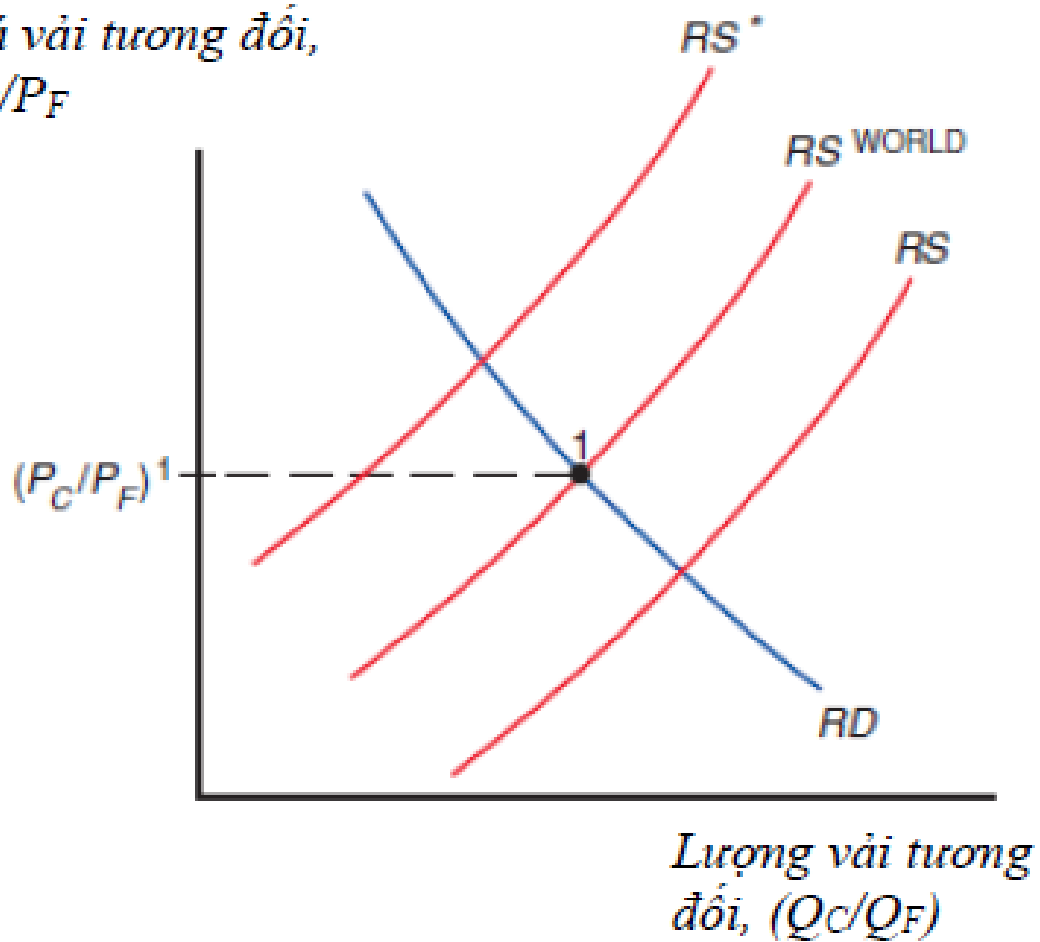
# Tác động của thay đổi tỷ số giá ngoại thương đối với phúc lợi

- ❧ Khi  $P_C/P_F$  tăng, nước xuất khẩu vải sẽ trở nên khá giả hơn (di chuyển từ  $D^1$  đến  $D^2$ ) Ngược lại, nếu  $P_C/P_F$  giảm, đất nước bị sa sút.
- ❧ Nếu ban đầu nước này XK thực phẩm chứ không phải vải, chiều ảnh hưởng sẽ ngược lại: Tăng  $P_C/P_F \leftrightarrow$  giảm  $P_F/P_C$ , khiến nền kinh tế trở nên sa sút do giá tương đối của hàng XK (thực phẩm) bị giảm.
- ❧ Tỷ số giá ngoại thương = giá hàng XK ban đầu / giá hàng NK ban đầu. Như vậy, *tăng tỷ số giá ngoại thương làm tăng phúc lợi, trong khi giảm tỷ số giá ngoại thương làm giảm phúc lợi của quốc gia.*
- ❧ Lưu ý rằng thay đổi tỷ số giá ngoại thương của đất nước không bao giờ làm giảm phúc lợi đất nước xuống dưới mức phúc lợi khi không có ngoại thương.

# Xác định giá tương đối

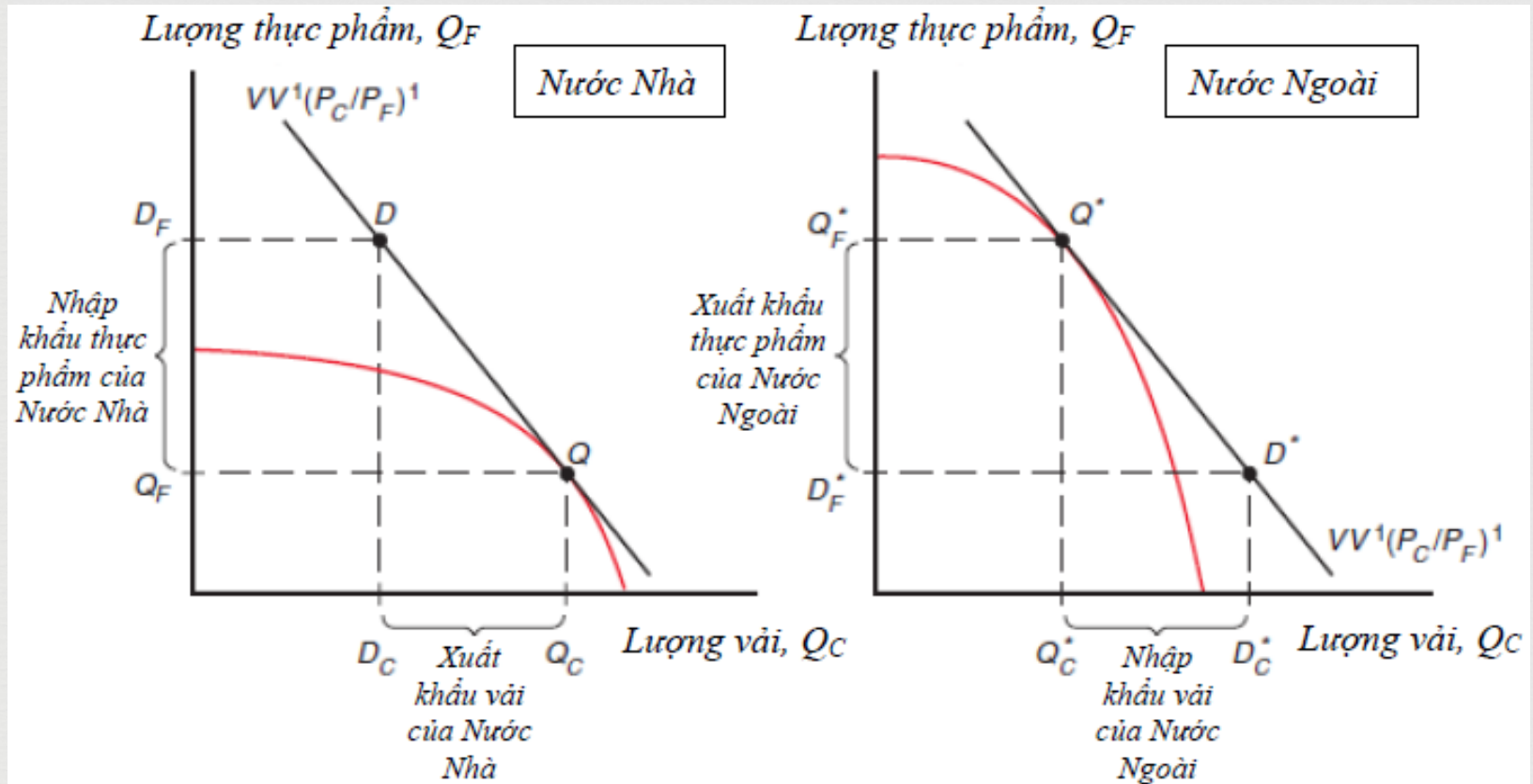
## Đường cung và cầu tương đối của 2 nước

Giá vải tương đối,  
 $P_C/P_F$



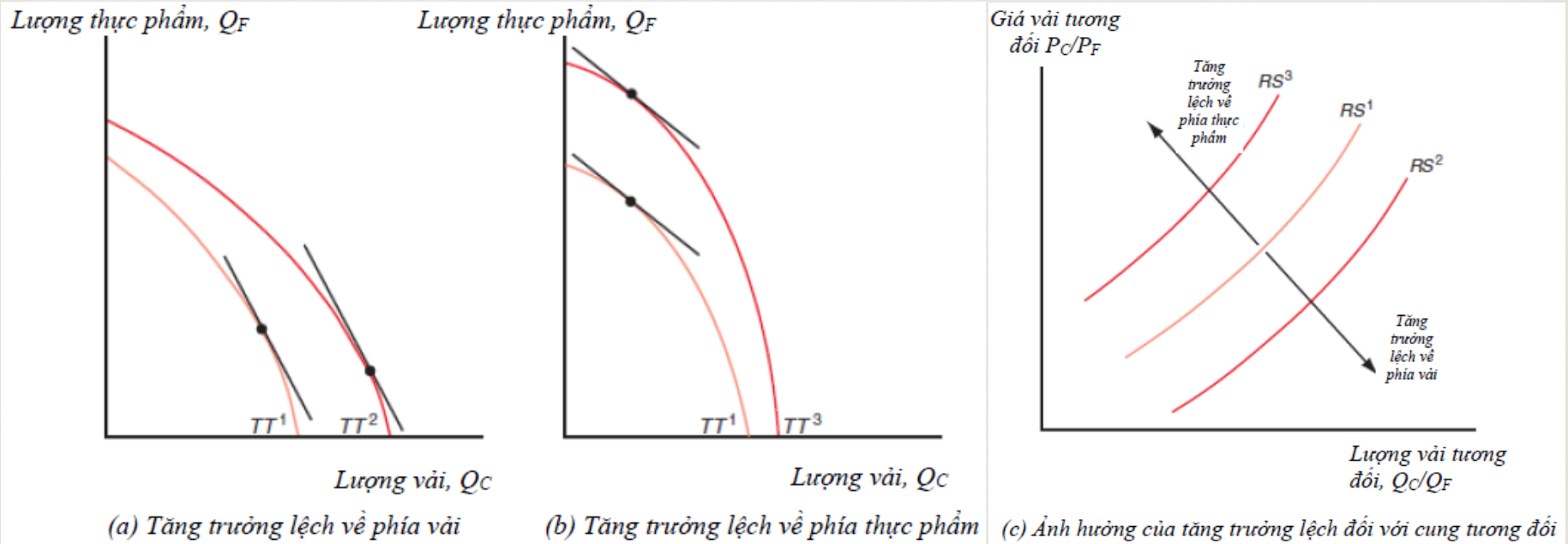
- ↻ Nước nhà xuất khẩu vải và Nước ngoài xuất khẩu thực phẩm.
- ↻ Vì thị hiếu tiêu dùng như nhau nên đường cầu thế giới trùng với đường cầu của mỗi nước.
- ↻ Đường cung thế giới phải nằm giữa hai đường cung của hai nước.

# Mô thức thương mại



Ở mức giá tương đối cân bằng  $(P_C/P_F)^1$ , xuất khẩu vải của Nước Nhà bằng nhập khẩu vải của Nước Ngoài; và nhập khẩu thực phẩm của Nước Nhà bằng xuất khẩu thực phẩm của Nước Ngoài.

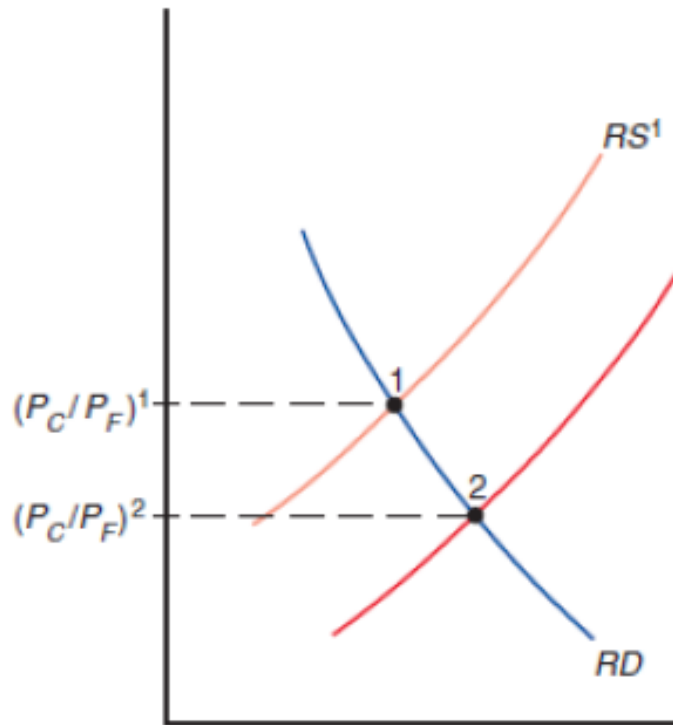
# Tác động của tăng trưởng kinh tế



- ☞ Tăng trưởng thường có tính thiên vị (xảy ra trong khu vực này nhiều hơn khu vực khác), khiến cho cung tương đối thay đổi, từ đó làm thay đổi tỷ lệ giá thương mại.
- ☞ **Tăng trưởng thiên vị ngành vải** làm giá vải tương đối giảm, tỷ số giá ngoại thương của XK vải bị giảm (bị thiệt), trong khi tỷ số giá ngoại thương của nhập khẩu vải tăng (được lợi).

# Tăng trưởng thiên vị và đường cung thể giới tương đối

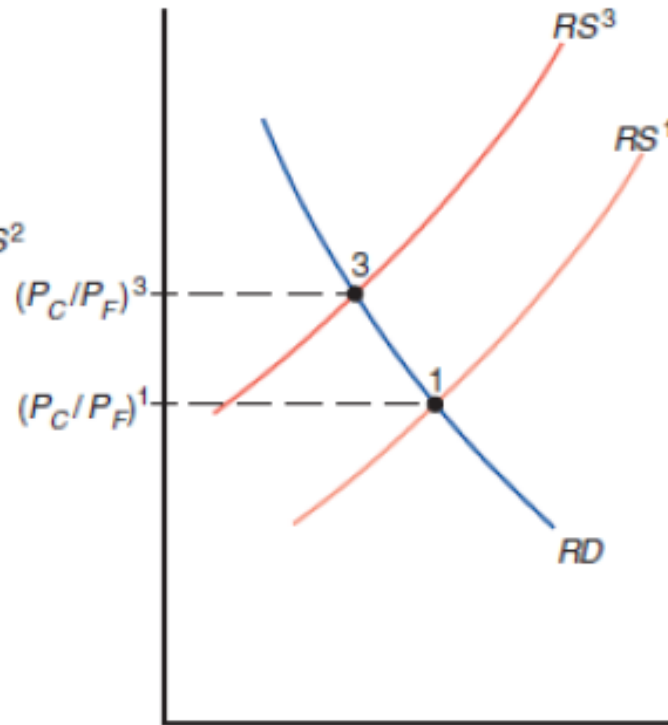
Giá vài tương đối,  $P_C/P_F$



Lượng vài tương đối,  $\frac{Q_C+Q_C^*}{Q_F+Q_F^*}$

(a) Tăng trưởng lệch về phía vài

Giá vài tương đối,  $P_C/P_F$



Lượng vài tương đối,  $\frac{Q_C+Q_C^*}{Q_F+Q_F^*}$

(b) Tăng trưởng lệch về phía thực phẩm

# Hệ quả phúc lợi của sự tăng trưởng thiên vị

---

- ❧ Sự tăng trưởng thiên vị đối với một ngành sẽ mở rộng khả năng sản xuất một cách không cân xứng về phía ngành đó (tất cả các yếu tố khác không đổi)
- ❧ Đối với Nước Nhà, tăng trưởng thiên vị ngành vải (là ngành nước ấy xuất khẩu) làm giảm tỷ số giá ngoại thương và khiến Nước nhà bị thiệt.
- ❧ Ngược lại, nếu tăng trưởng thiên vị ngành thực phẩm (là ngành nước ấy nhập khẩu) sẽ giúp tăng tỷ số giá ngoại thương và giúp Nước nhà được lợi.

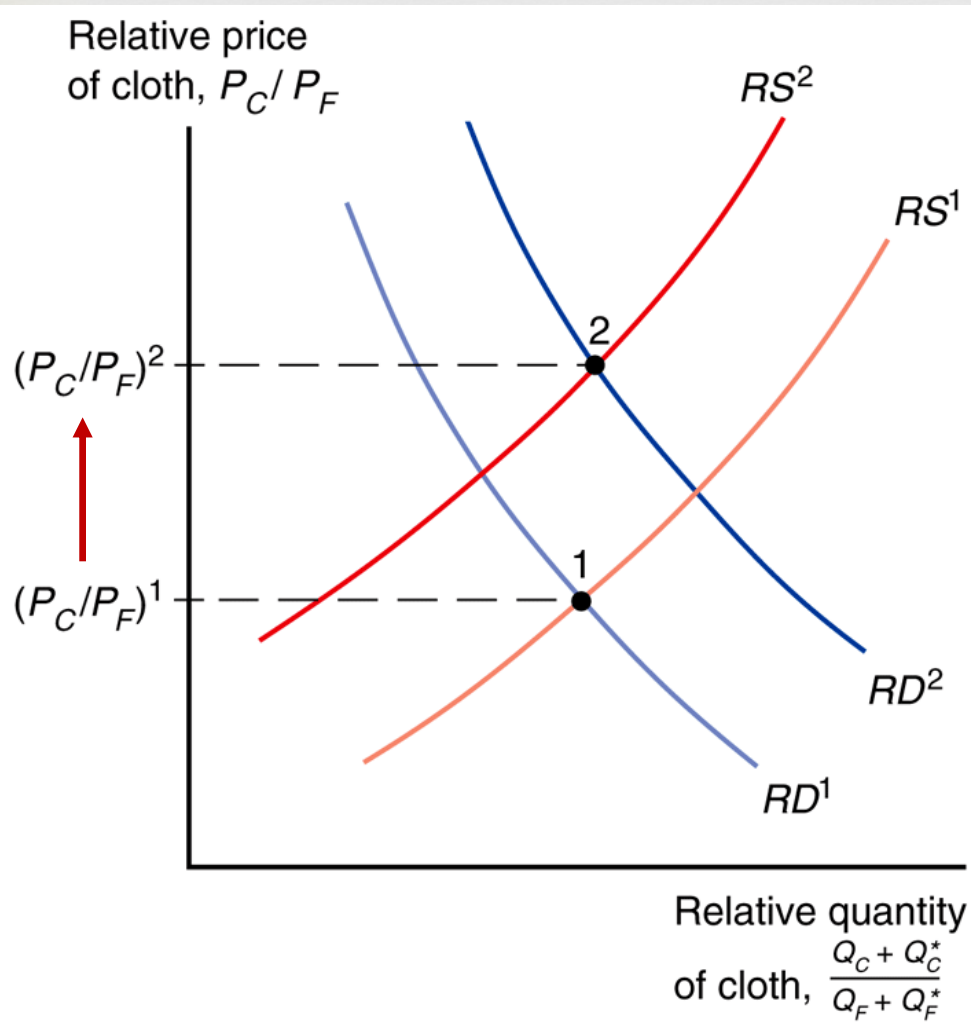
# Tăng trưởng thiên vị và tỷ số giá ngoại thương: Bằng chứng thực nghiệm

- Con đường qua đó tăng trưởng ở nước ngoài có thể gây thiệt hại cho một nước là thông qua tỷ số giá ngoại thương. Vì thế, nếu lập luận cho rằng cạnh tranh từ các nước mới công nghiệp hóa gây tổn thất cho các nền kinh tế tiên tiến mà đúng, thì ta phải thấy thay đổi tỷ số giá ngoại thương của các nước tiên tiến có giá trị âm lớn và thay đổi tỷ số giá ngoại thương của các nước công nghiệp mới có giá trị dương lớn.

## Thay đổi tỷ số giá ngoại thương bình quân ở Mỹ và Trung Quốc

	Thay đổi tỷ số giá ngoại thương			Thay đổi chung
	1980-89	1990-99	2000-08	1980-2008
Hoa Kỳ	1,6%	0,4%	-1,0%	0,1%
Trung Quốc	-1,4%	0,2%	-3,3%	-1,3%

# Tác động của thuế nhập khẩu đối với tỷ số giá ngoại thương



- ✧ Giả sử **Nước nhà** áp dụng **thuế nhập khẩu** đối với **thực phẩm**.
- ✧ **Tiêu dùng nội địa**: Giá thực phẩm tương đối tăng, giá vải tương đối giảm, vì thế cầu tương đối về thực phẩm sẽ giảm, cầu tương đối về vải sẽ tăng.
- ✧ **Sản xuất nội địa**: Thực phẩm được bảo hộ nên cung tương đối của thực phẩm sẽ tăng, còn cung tương đối của vải giảm.
- ✧ **Tại điểm cân bằng mới**, giá tương đối của vải so với thực phẩm sẽ tăng.

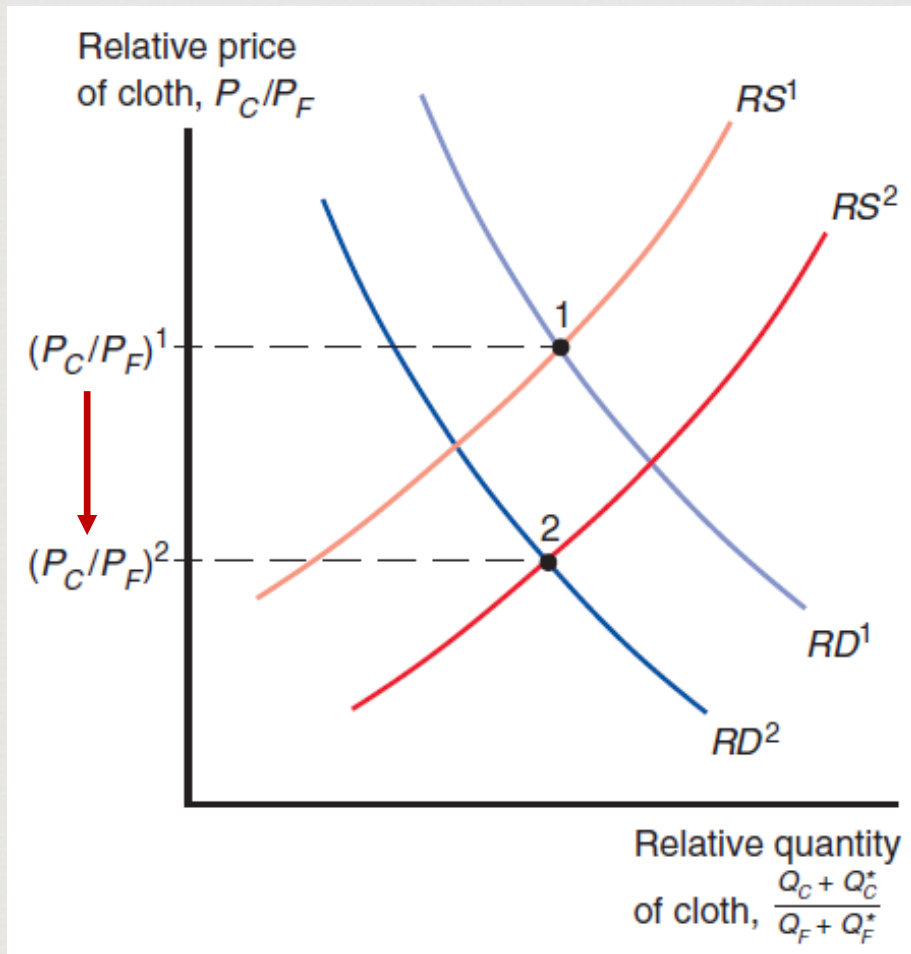


# Tác động phúc lợi của thuế nhập khẩu



- ❧ Khi Nước nhà áp đặt thuế nhập khẩu thực phẩm, **tỷ số giá ngoại thương ( $P_C/P_F$ ) tăng.**
- ❧ Tuy nhiên, **tác động phúc lợi không rõ ràng** do thực phẩm giờ đây đã đắt lên một cách tương đối. Lợi ích của tỷ số giá ngoại thương chỉ áp đảo tổn thất từ sự biến dạng động cơ khi mức thuế không quá cao (lý thuyết thuế suất tối ưu).
- ❧ **Mức độ tác động** của thuế nhập khẩu đến tỷ số giá ngoại thương này tùy thuộc vào **quy mô tương đối** của Nước nhà trong nền kinh tế thế giới.
  - ❧ Nếu Nước nhà có quy mô **tương đối nhỏ**, thuế nhập khẩu không tác động đáng kể đến cung và cầu tương đối, do đó cũng không tác động đáng kể đến tỷ số giá ngoại thương.
  - ❧ Nhưng nếu Nước nhà có quy mô **tương đối lớn**, thuế nhập khẩu có thể làm tăng phúc lợi của Nước nhà với tổn thất của nước ngoài.

# Tác động của trợ cấp sản xuất đối với tỷ số giá ngoại thương



- ✧ Giả sử **Nước nhà** áp dụng trợ cấp xuất khẩu vải.
- ✧ **Tiêu dùng nội địa:** Giá vải tương đối sẽ tăng, giá thực phẩm tương đối giảm, vì thế cầu tương đối về vải sẽ giảm, cầu tương đối về thực phẩm sẽ tăng.
- ✧ **Sản xuất nội địa:** Vải được khuyến khích xuất khẩu nên cung tương đối của vải sẽ tăng, của thực phẩm sẽ giảm.
- ✧ **Tại điểm cân bằng mới,** giá tương đối của vải so với thực phẩm sẽ giảm.

# Tác động phúc lợi của trợ cấp xuất khẩu



- ❧ Tác động của trợ cấp xuất khẩu khá rõ ràng: Tỷ số giá ngoại thương của Nước Ngoài cải thiện bằng tổn thất của Nước Nhà.
- ❧ Nước ngoài rõ ràng sẽ khá giả hơn, trong khi Nước Nhà sẽ bị thiệt do tỷ số giá ngoại thương xấu đi và do ảnh hưởng của biến dạng chính sách.
- ❧ **Trợ cấp xuất khẩu thực ra không phục vụ lợi ích tổng thể của Nước nhà.** Việc sử dụng công cụ chính sách này thường liên quan đến động cơ kinh tế - chính trị thay vì lô-gíc kinh tế.

# Thuế nhập khẩu và chính trị Mỹ



The New York Times | <https://nyti.ms/2G02U2d>

POLITICS

## Gary Cohn Says He Will Resign as Trump's Top Economic Adviser

By KATE KELLY and MAGGIE HABERMAN MARCH 6, 2018

Gary D. Cohn, President Trump's top economic adviser, said on Tuesday that he would resign, becoming the latest in a series of high-profile departures from the Trump administration.

White House officials insisted that there was no single factor behind the departure of Mr. Cohn, who heads the National Economic Council. But his decision to leave came as he seemed poised to lose an internal struggle over Mr. Trump's plan to impose large tariffs on steel and aluminum imports. Mr. Cohn had warned last week that he might resign if Mr. Trump followed through with the tariffs, which Mr. Cohn had lobbied against internally.

**Figure 1. Import Levels and U.S. Steel Mill Capacity Utilization Rates\***

Steel Market Snapshot (millions of metric tons)	2011-2016 Average	2017 Annualized
Total Demand for Steel in U.S. (production + imports-exports)	105.5	107.3
U.S. Annual Capacity	114.4	113.3
U.S. Annual Production (liquid)	84.6	81.9
Capacity Utilization Rate (percentage)	74.0	72.3
Imports and Exports (millions of metric tons)		
Imports of Steel to U.S. (including semi-finished)	31.8	36.0
Exports of Steel from the U.S.	10.8	10.1
Percent Import Penetration	30.1	33.8
Production at Various Utilization Rates (millions of metric tons)		
Maximum Capacity	114.4	113.3
Production at 75% Capacity Utilization	85.8	85.0
Production at 80% Capacity Utilization	91.5	90.6
Production at 85% Capacity Utilization	97.2	96.3
<b>Import Levels and Domestic Production Targets Based on 80% Capacity Utilization</b>		
<b>General Equilibrium (GTAP Model – Includes Reduction in Exports and Demand)</b>		
Maximum Import Level (mmt)	22.7	
Estimated Import Penetration	22%	
Estimated Production (mmt)	90.6	
<b>Alternative 1A: Quota Applied to 2017 Import Levels</b>	63%	
<b>Alternative 1B: Tariff Rate Applied to All Imports</b>	24%	
*Numbers may differ slightly due to rounding.		
Sources: United States Department of Commerce, Bureau of the Census; American Iron and Steel Institute. Calculations based on industry and trade data.		

# Phát hiện của báo cáo của Bộ Thương mại Hoa Kỳ

---

- ❧ Thép đóng vai trò quan trọng đối với an ninh quốc gia
- ❧ Nhập khẩu với số lượng như hiện nay được chứng minh là gây ra tác động bất lợi đến phúc lợi kinh tế của ngành thép Mỹ
- ❧ Sự chuyển dịch của thép trong nước do lượng nhập khẩu quá mức ảnh hưởng nghiêm trọng đến việc làm suy yếu nền kinh tế nội địa của Mỹ
- ❧ Năng lực sản xuất dư thừa toàn cầu dẫn đến sự suy yếu của nền kinh tế trong nước

# Kết luận của Báo cáo



- ☞ Trên cơ sở những phát hiện này, Bộ Thương mại kết luận rằng số lượng và tình hình nhập khẩu thép hiện tại “làm suy yếu nền kinh tế nội bộ của nước Mỹ” và đe dọa làm suy yếu an ninh quốc gia như được định nghĩa trong Mục 232.
- ☞ Theo kết luận này, Bộ trưởng khẳng định rằng phương tiện hiệu quả duy nhất để loại bỏ mối đe dọa là giảm nhập khẩu xuống mức cần kết hợp với quản lý tốt, cho phép các nhà máy thép của Mỹ hoạt động từ 80% công suất trở lên

# Khuyến nghị của Báo cáo



- ❧ Lựa chọn 1 – Thuế hoặc hạn ngạch toàn cầu
- ❧ Lựa chọn 2 – Thuế quan áp dụng với một tập con của các nước xuất khẩu thép sang Mỹ
- ❧ Miễn trừ
- ❧ Loại trừ